

冬天



dōngtiān

Winter



大衣



dà yī

Coat



手套



shǒutào

Gloves



帽子



màozi

(Woolly) Hat



毛衣

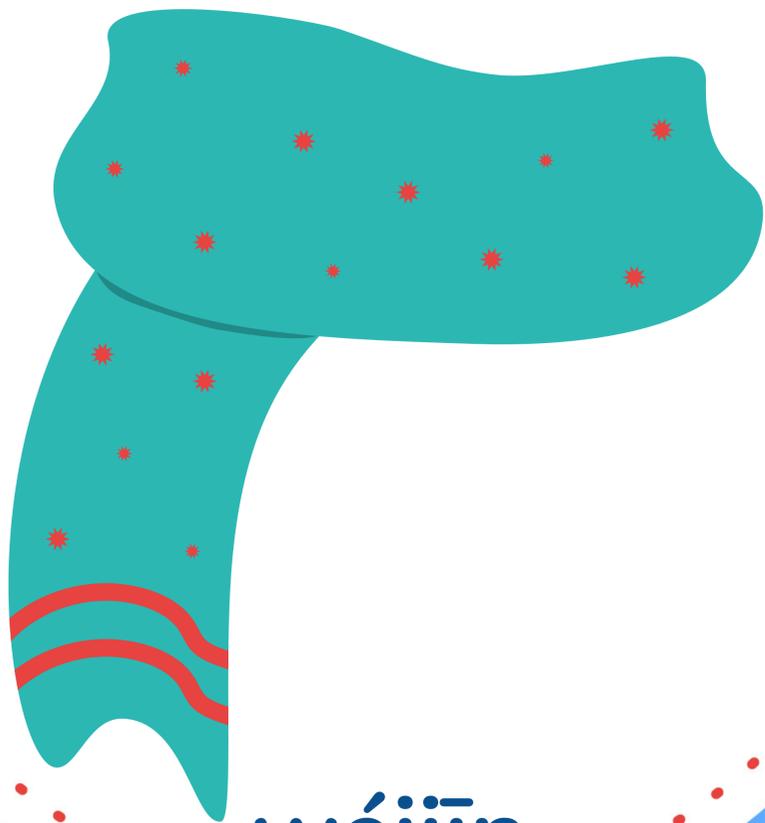


máoyī

Jumper



围巾



wéijīn

Scarf



靴子



xuēzi

Boots



雨衣

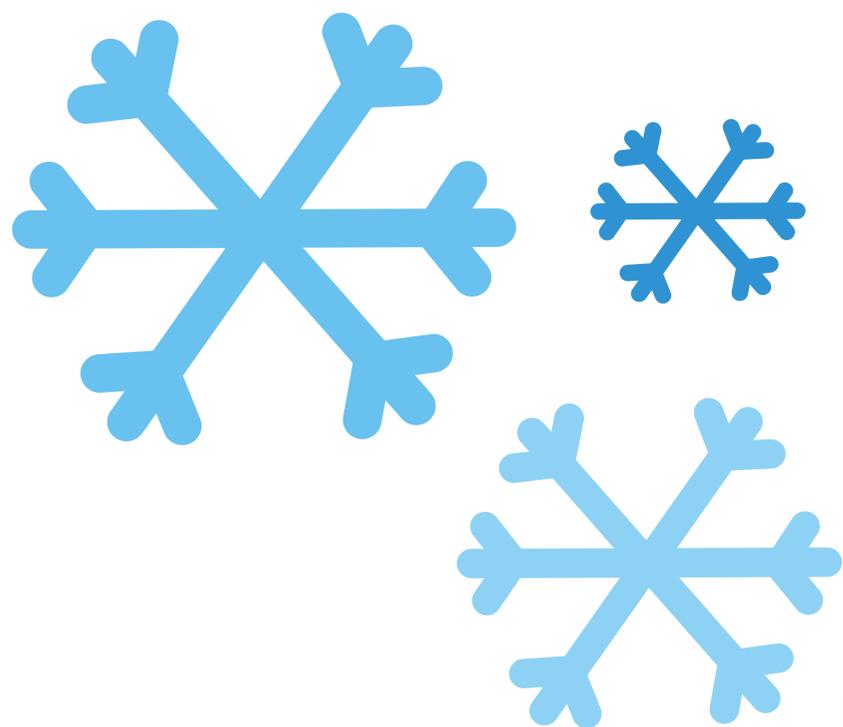


yǔyī

Raincoat

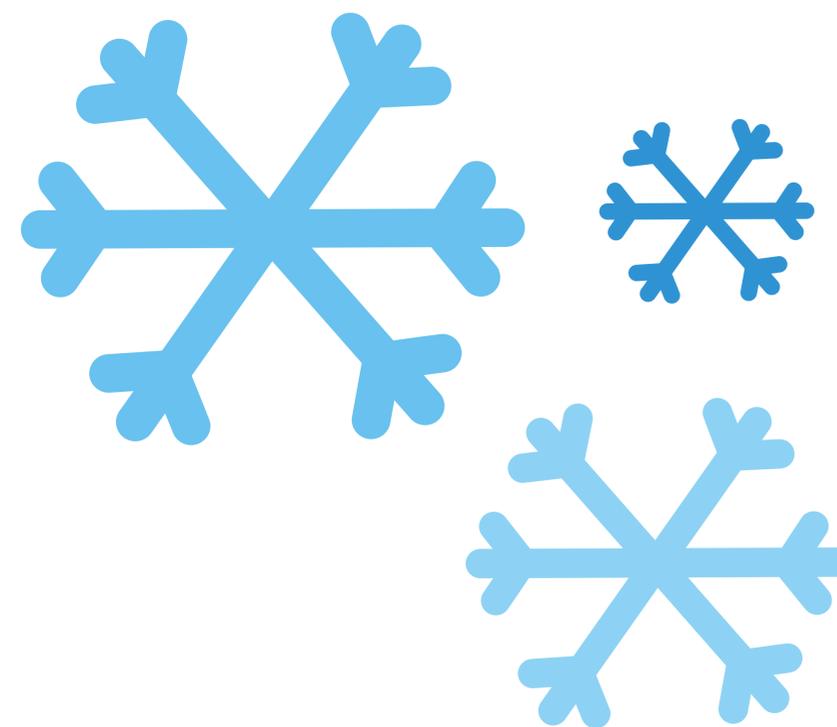


雪



xuě

Snow



雪人



xuě rén

Snowman



冰



bīng

Ice



雪球



xuěqiú

Snowball



# 雪橇



xuěqiāo

# Sleigh



圣诞节



shèngdànjié

Christmas



圣诞树



shèngdànshù

Christmas tree



圣诞老人



ShèngdànLǎorén

Santa

